

HƯỚNG DẪN HỌC THUẬT

Cấu trúc Cover Letter chuẩn khi Submit bài báo cho Tạp chí Q1, Q2

Dành cho: Bác sĩ lâm sàng • Giảng viên • Nghiên cứu sinh • Nhà nghiên cứu độc lập

1. Vì sao Cover Letter quan trọng hơn nhiều người nghĩ?

Trong hành trình công bố quốc tế, cover letter thường bị xem là một thủ tục hành chính đơn thuần — thứ mà nhiều nhà nghiên cứu viết vội trong vài phút trước khi nhấn nút Submit. Nghịch lý ở chỗ, các nhà nghiên cứu có thể dành nhiều tháng để phân tích số liệu, chỉnh sửa từng bảng biểu, hiệu chỉnh từng câu chữ trong bản thảo — nhưng lại lúng túng khi phải trình bày câu chuyện nghiên cứu đó trong vài trăm từ gửi cho editor.

Thực tế từ dữ liệu biên tập:

Hiện nay, tỷ lệ desk rejection tại các tạp chí Q1 và Q2 dao động từ **70–90%** tổng số bài nộp. Điều này có nghĩa là phần lớn bản thảo bị loại trước khi đến tay reviewer — và editor phải đưa ra quyết định này chỉ dựa trên abstract, tiêu đề, và cover letter. Nguồn lực biên tập và phản biện là cực kỳ khan hiếm; editor có động cơ rõ ràng để từ chối nhanh những gì không rõ ràng hoặc không phù hợp với scope của tạp chí.

Có hai luồng quan điểm trái chiều tồn tại song song trong cộng đồng nghiên cứu. Một số cho rằng cover letter không quan trọng vì editor chỉ đọc abstract. Số khác khẳng định đây là **chìa khóa sống còn** để vượt qua vòng desk reject. Sự thật nằm ở chỗ: cover letter **không phải phép màu**, nhưng một cover letter được viết tốt giúp editor ra quyết định dễ dàng hơn — và đó là lợi thế thực sự.

Cover Letter không phải là gì?

- Không phải bản tóm tắt thứ hai của bài báo (abstract đã làm điều đó)
- Không phải nơi để chứng minh nghiên cứu của mình hoàn hảo đến từng chi tiết
- Không phải bài luận giải thích mọi phương pháp và kết quả
- Không phải bức thư xin xỏ hay van nài editor xem xét

Cover Letter thực chất là gì?

Về bản chất, cover letter là một **bản highlight ngắn gọn, viết bằng ngôn ngữ rõ ràng và tự tin**, nhằm giúp editor trả lời một câu hỏi duy nhất:

"Có nên gửi bài này đi phản biện hay không?"

Mục tiêu không phải là khiến editor nghĩ *"đây chắc chắn là bài sẽ được nhận"*, mà là khiến họ nghĩ **"bài này rõ ràng, phù hợp và đáng để gửi đi phản biện."** Cover letter tốt giống như một đoạn trailer phim hấp dẫn — nó không kể toàn bộ câu chuyện, mà tạo ra đủ sự hứng thú và rõ ràng để người xem muốn bước vào rạp.

2. Cấu trúc bốn phần của một Cover Letter chuẩn

Dưới đây là cấu trúc được kiểm chứng qua thực tiễn biên tập, gồm bốn phần rõ ràng. Khi đã thành thạo, một nhà nghiên cứu có thể hoàn thành cover letter trong chưa đến năm phút — không phải vì nó đơn giản, mà vì mỗi phần có chức năng cụ thể và không chồng chéo nhau.

PHẦN 1 Đoạn mở: Giới thiệu chuyên nghiệp và tự tin

Đoạn mở không cần phức tạp. Chức năng duy nhất của nó là **xác nhận rõ ràng tên bản thảo và tên tạp chí**. Giọng văn phải lịch sự nhưng dứt khoát — không van nài, không hoa mỹ thừa.

✓ Cách viết hiệu quả:

"We are pleased to submit our manuscript entitled [Title] for consideration in [Journal Name]."

✗ Cần tránh:

"Chúng tôi kính mong quý tạp chí xem xét và có thể cân nhắc bài nghiên cứu này của chúng tôi..."

→ Giọng văn thiếu tự tin, tạo ấn tượng không chuyên nghiệp với editor.

Editor nhận hàng chục email mỗi ngày. Sự rõ ràng và tự tin trong đoạn mở tạo cảm giác ngay lập tức rằng đây là một nhóm nghiên cứu nghiêm túc và biết mình đang làm gì.

PHẦN 2 Nội dung khoa học: Khoảng trống — Nghiên cứu — Ý nghĩa

Đây là phần **quan trọng nhất** của cover letter, nhưng paradox ở chỗ — nó cần được viết **đơn giản nhất**. Phần này gồm ba yếu tố được sắp xếp logic theo trình tự: Khoảng trống → Nghiên cứu → Ý nghĩa.

2a. Khoảng trống nghiên cứu (Research Gap)

Đây là yếu tố mà nhiều cover letter bỏ qua hoặc xử lý hời hợt nhất. Khoảng trống nghiên cứu cần trả lời câu hỏi: **Điều gì còn chưa được biết, chưa được kiểm chứng, hoặc còn gây tranh luận trong lĩnh vực?**

Một nguyên tắc kiểm tra hữu ích: nếu một đồng nghiệp ở chuyên ngành gần đọc đoạn này trong 15 giây, họ có hiểu ngay câu hỏi nghiên cứu không? Nếu cần đọc lại nhiều lần mới hiểu, thì khoảng trống chưa được trình bày đủ tinh gọn.

Ví dụ cụ thể:

"Despite current guidelines recommending [X], the long-term adverse effects in [specific population] remain poorly characterized — particularly in real-world settings outside clinical trials."

Câu trên giúp editor lập tức thấy được cuộc đối thoại học thuật mà bài báo đang tham gia, mà không cần đọc toàn bộ bản thảo.

Lưu ý quan trọng:

Nếu không diễn đạt được khoảng trống một cách tinh gọn trong cover letter, thì có lẽ vấn đề không nằm ở cover letter — mà nằm ở chính thiết kế và lập luận logic của bài báo. Cover letter là phép kiểm tra nhanh về sự mạch lạc của tư duy nghiên cứu.

2b. Nghiên cứu của chúng ta (Our Study)

Đây là phần trình bày ngắn gọn về **Chúng tôi đã làm gì — Chúng tôi tìm thấy điều gì**. Đây vẫn là highlight, không phải liệt kê toàn bộ phương pháp hay kết quả.

Các yếu tố nên đề cập:

- Thiết kế nghiên cứu — đặc biệt nếu đó là điểm mạnh (đoàn hệ lớn, thử nghiệm ngẫu nhiên có đối chứng, phân tích dữ liệu quốc gia, nghiên cứu đa trung tâm)
- Cỡ mẫu hoặc phạm vi dữ liệu nếu đó là lợi thế cạnh tranh
- Kết quả chính — một hoặc hai phát hiện quan trọng nhất, không phải tất cả

2c. Ý nghĩa thực hành hoặc chính sách (Implications)

Câu cuối cùng của phần nội dung khoa học nên nói về **impact** — điều nghiên cứu này đóng góp cho thực hành lâm sàng, chính sách y tế, hoặc hướng nghiên cứu tiếp theo. Đây không phải là chép nguyên văn phần Conclusion từ bài báo vào đây.

Ví dụ viết về implication:

"These findings have direct implications for clinical decision-making and may inform updates to current prescribing guidelines."

So sánh với cách viết kém hơn:

"In conclusion, our study found that... and we believe that... and future studies should..."

→ Cách sau lặp lại abstract, không nêu được giá trị ứng dụng.

PHẦN 3 Sự phù hợp với tạp chí (Journal Fit)

Phần này thường bị bỏ qua hoặc được viết quá chung chung đến mức không có giá trị thuyết phục. Câu *"chúng tôi tin bài này phù hợp với độc giả của quý tạp chí"* có thể áp dụng cho bất kỳ tạp chí nào trên thế giới — vì vậy nó không truyền đạt được bất cứ điều gì.

Hãy cụ thể hơn, nhưng **không cần quá dài dòng**. Một đến hai câu rõ ràng là đủ. Các cách tiếp cận hiệu quả:

- Tham chiếu đến chủ đề mà tạp chí gần đây tập trung (ví dụ: special issue, editorial focus)
- Nêu nhóm độc giả chính của tạp chí và sự liên quan trực tiếp
- Đề cập đến một hai bài báo gần đây trên tạp chí mà nghiên cứu của bạn mở rộng hoặc bổ sung trực tiếp

Ví dụ viết hiệu quả:

"Given [Journal]'s recent focus on [specific topic area], and its readership of clinicians managing [specific patient group], we believe this manuscript aligns closely with the journal's editorial priorities."

Cần tránh:

"We believe this manuscript is suitable for publication in your esteemed journal and will be of great interest to your readers."

→ Câu này không truyền đạt sự hiểu biết về journal cụ thể. Editor đọc câu này hàng trăm lần mỗi tháng.

Sự cụ thể — dù chỉ một câu — cho thấy tác giả đã đọc tạp chí, hiểu định hướng biên tập, và không gửi bài theo kiểu scatter-shot. Điều này tạo ra cảm giác tôn trọng với editor và thể hiện sự chuyên nghiệp thực sự.

PHẦN 4 Các xác nhận bắt buộc (Administrative Confirmations)

Phần cuối làm cho công việc của editor trở nên dễ dàng hơn bằng cách xác nhận các yêu cầu biên tập cơ bản. Tùy theo yêu cầu của từng tạp chí, phần này có thể bao gồm:

- ✓ Bản thảo chưa được công bố hoặc đang xem xét đăng ở tạp chí khác
- ✓ Tất cả tác giả đã đọc và đồng ý với nội dung bản thảo
- ✓ Không có xung đột lợi ích (hoặc khai báo cụ thể nếu có)
- ✓ Nghiên cứu đã được phê duyệt bởi Hội đồng Đạo đức / IRB (nếu áp dụng)
- ✓ Đóng góp của từng tác giả (Author Contributions) — nếu tạp chí yêu cầu
- ✓ Gọi ý reviewer hoặc danh sách reviewer cần loại trừ — nếu tạp chí cho phép

Lưu ý thực hành:

Nhiều tạp chí có template cover letter riêng hoặc yêu cầu điền thông tin qua hệ thống submission trực tuyến. Trước khi viết, cần đọc kỹ Author Guidelines của tạp chí cụ thể để biết yêu cầu nào là bắt buộc. Một số tạp chí thuộc nhóm Q1 còn yêu cầu khai báo rõ về data availability, preprint status, hoặc clinical trial registration number.

3. Nguyên tắc về độ dài và hình thức

Yếu tố hình thức	Yêu cầu
Độ dài lý tưởng	Nửa trang đến 1 trang A4 — tối đa 400 từ
Ngôn ngữ	Tiếng Anh học thuật, câu chủ động, rõ ràng
Giọng điệu	Tự tin, chuyên nghiệp — không khiêm nhường quá mức
Font & Format	Phù hợp với letterhead của tổ chức nếu có
Địa chỉ	Ghi đích danh tên editor nếu biết (không dùng 'Dear Sir/Madam')

Một lỗi phổ biến là cover letter quá dài — 3 đến 5 trang, gần như một bài luận nhỏ. Khi đó, thay vì giúp bài báo nổi bật, tác giả vô tình tạo thêm ma sát cho người đọc. Editor không cần và không muốn đọc thêm; họ cần đọc **ít hơn nhưng rõ hơn**.

4. So sánh: Cover letter kém và cover letter hiệu quả

✗ Cover Letter Kém	✓ Cover Letter Hiệu quả
Chép lại abstract hoặc conclusion nguyên văn	Highlight 2-3 điểm cốt lõi, viết bằng ngôn ngữ đơn giản hơn bài báo
Không nêu khoảng trống nghiên cứu	Đặt rõ khoảng trống trong 1-2 câu đầu của phần nội dung
'Chúng tôi hy vọng bài được xem xét...'	'We are pleased to submit...' — ngắn gọn, dứt khoát
Sự phù hợp với journal quá chung chung	Tham chiếu cụ thể đến scope hoặc bài báo gần đây của journal
Dài 3-5 trang, liệt kê mọi kết quả	Ngắn gọn, dưới 1 trang, có chọn lọc
Không có xác nhận đạo đức và tác giả	Đủ các xác nhận bắt buộc ở đoạn cuối

5. Template mẫu đầy đủ

Dưới đây là một template cover letter hoàn chỉnh, có thể điều chỉnh cho nhiều loại nghiên cứu khác nhau. Các phần in **[ngọặc vuông]** cần được thay bằng thông tin cụ thể của nghiên cứu.

[Tên, học hàm/học vị]

[Đơn vị công tác]

[Email liên lạc]

[Ngày tháng]

Dear Dr./Prof. [Tên Editor-in-Chief],

We are pleased to submit our manuscript entitled "[Tiêu đề bài báo đầy đủ]" for consideration in [Tên tạp chí].

[Khoảng trống nghiên cứu — 1-2 câu]: Despite [tình trạng hiện tại trong lĩnh vực], [điều còn chưa được biết hoặc còn tranh luận] remains poorly understood, particularly in [bối cảnh cụ thể].

[Nghiên cứu của bạn — 2-3 câu]: To address this gap, we conducted a [thiết kế nghiên cứu] involving [cỡ mẫu/phạm vi] [đối tượng/dữ liệu]. Our primary finding demonstrates that [kết quả chính 1]. Additionally, [kết quả chính 2 nếu có].

[Ý nghĩa — 1 câu]: These findings have direct implications for [thực hành lâm sàng / chính sách / hướng nghiên cứu tiếp theo].

[Sự phù hợp — 1-2 câu]: Given [Journal Name]'s focus on [lĩnh vực cụ thể] and its readership of [nhóm độc giả chính], we believe this manuscript aligns closely with the journal's editorial scope.

This manuscript has not been published previously and is not under consideration for publication elsewhere. All authors have read and approved the submitted version. The study was approved by [Tên Hội đồng Đạo đức / IRB], approval number [số]. The authors declare no conflict of interest.

We would be happy to provide any additional information. Thank you for your consideration.

Sincerely,

[Tên tác giả liên lạc]

On behalf of all co-authors

6. Checklist tự kiểm tra trước khi Submit

Trước khi nhấn nút Submit, hãy dành hai phút để tự kiểm tra cover letter với danh sách dưới đây. Nếu có bất kỳ điểm nào chưa đạt, hãy chỉnh sửa trước — bởi vì editor sẽ chú ý đến những điểm này.

Cấu trúc và Nội dung

- ✓ Đoạn mở: nêu rõ tên bài và tên tạp chí, giọng tự tin
- ✓ Khoảng trống nghiên cứu: có thể đọc hiểu trong 15 giây
- ✓ Thiết kế và kết quả chính: được trình bày ngắn gọn, không dài hơn abstract
- ✓ Ý nghĩa thực hành hoặc chính sách: nói về impact, không chép conclusion
- ✓ Sự phù hợp với tạp chí: có ít nhất một chi tiết cụ thể, không chung chung

Hình thức và Xác nhận

- ✓ Độ dài: không quá 1 trang A4 (lý tưởng là nửa trang)

- ✓ Ngôn ngữ: câu chủ động, không có lỗi ngữ pháp hoặc lỗi đánh máy
- ✓ Xác nhận: bài chưa đăng ở nơi khác, tất cả tác giả đồng ý
- ✓ Đạo đức nghiên cứu: đã khai báo IRB/ethics approval nếu cần
- ✓ Xung đột lợi ích: đã khai báo hoặc xác nhận không có
- ✓ Địa chỉ: ghi đúng tên editor (không dùng 'Dear Sir/Madam' nếu tránh được)

7. Lời kết: Cover Letter là tư duy học thuật, không phải thủ thuật

Cover letter không phải là đũa thần kỳ. Một bài báo kém về mặt khoa học sẽ không được cứu vãn bởi một cover letter hay. Tuy nhiên, một bài tốt nhưng được giới thiệu mờ nhạt — thiếu rõ ràng về khoảng trống, thiếu cụ thể về sự phù hợp, giọng văn không tự tin — **có thể bị bỏ qua ở vòng desk review**. Ngược lại, một bài được giới thiệu rõ ràng, đúng trọng tâm, sẽ có cơ hội được đánh giá công bằng hơn ở vòng phản biện.

Quan trọng hơn, khi rèn luyện được cách trình bày câu chuyện nghiên cứu một cách mạch lạc ngay từ bức thư gửi editor, chính bài báo cũng sẽ được viết ngày càng sắc nét hơn — bởi vì khả năng trình bày rõ ràng và khả năng tư duy rõ ràng luôn đi đôi với nhau.

Trước mỗi lần submit cho tạp chí Q1 hay Q2, hãy dành thêm vài phút để tự hỏi: cover letter của mình có đang làm đúng chức năng không? Nó đã nêu rõ khoảng trống, kết quả chính, và sự phù hợp chưa? Nó có ngắn gọn, dễ đọc, và tự tin chưa?

Hướng dẫn này được biên soạn nhằm hỗ trợ cộng đồng nghiên cứu Việt Nam trong hành trình công bố quốc tế.